

Soạn A closer look 2 - Unit 4 lớp 9 SGK trang 43, 44

1. Read the conversation from GETTING STARTED and underline

(Đọc đoạn hội thoại từ phần Mở đầu và gạch dưới ví dụ *used to* + nguyên mẫu. Sau đó đánh dấu tick vào câu trả lời đúng.)

... your grandfather used to make one for me.

... you use to do for entertainment.

... movie team used to come...

... The whole village used to listen...

Đáp án: B

2. Use *used to* or *didn't use to* with the verb from the box ...

(Sử dụng cấu trúc "*used to*" hoặc "*didn't use to*" với những động từ ở trong bảng để hoàn thành câu sau.)

1. used to be	2. didn't use to transport.	3. used to dye.
4. used to kill.	5. used to pull out.	6. didn't use to spend

Hướng dẫn dịch

1. Ở làng quê Việt Nam, các gia đình thường được mở rộng, 3 hoặc nhiều hơn các thế hệ cùng sống chung với nhau trong một căn nhà.

2. Những người nông dân ở làng quê của tôi đã không vận chuyển gạo về nhà trên xe tải. Họ sử dụng xe bò.

3. Ở nhiều nơi trên thế giới, người ta thường nhuộm quần áo với nguyên liệu tự nhiên.

4. Bệnh lao - TB - đã giết chết rất nhiều người. Đó là một căn bệnh nghiêm trọng.

5. Ở một vài quốc gia châu Âu, một thợ cắt tóc thường nhỏ răng giũa như cắt tóc

6. Anh tôi đã không trải qua thời gian rảnh ở trong nhà. Anh ấy rất hay ra ngoài.

3. Read the conversation from GETTING STARTED and underline the main verbs ...

(Đọc đoạn hội thoại ở phần Getting Started và gạch chân những động từ trong câu chứa "wish". Sau đó trả lời câu hỏi.)

1. Are the wishes for the present or the past? *(Những điều ước cho hiện tại hay quá khứ?)*

⇒ The wishes are for the present.

2. What tense are the main verbs in the sentences? *(Động từ chính sử dụng thì gì trong câu?)*

⇒ The main verbs in the sentences are in past tense.

Các câu ước trong phần **Getting started**:

(1) I wish there were movie teams like that now.

(2) Sometimes I wish I could go back to that time.

4. Tick if the sentence is correct. If the sentence is not correct, underline ...

(Tích vào những câu đúng. Nếu sai, gạch chân lỗi sai và sửa.)

1. T

2. F

I wish my mum would talk about her childhood.

3. F

I wish I could learn more about other people's traditions.

4. T.

5. F

I wish people in the world didn't have conflict and lived in peace.

6. F

I wish everybody were aware of the important of preserving their culture.

5. Make up wishes from the prompts.

(Viết các điều ước dựa vào gợi ý.)

1. I wish we could communicate with animals.

2. I wish no child was/were suffering from hunger.

3. I wish I was/were playing on the beach.

4. I wish there was/were/would/ be no more family violence in the world.

5. I wish I was/were going bushwalking with my friends.

6. I wish there were four seasons in my area.